

GIỮ, Giá mục tiêu: 18,200 VND

Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ trong 6 tháng đầu năm nhờ giá dầu tăng mạnh 45% trong kỳ và hiệu suất hoạt động của nhà máy đạt 105% công suất thiết kế. Sản lượng sản xuất và kinh doanh đạt 3.45 triệu tấn, doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 48,908 tỷ đồng và 3,598 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ 2020. Mặc dù vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh đang gặp những khó khăn nhất định khi thị trường tiêu thụ xăng dầu chậm lại bởi dịch Covid19 bùng phát tại một số tỉnh thành, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm. Định giá cổ phiếu ở mức 18,200 đồng/cổ phần, chúng tôi khuyến nghị GIỮ cổ phiếu BSR.

Thông tin cập nhật

Nhà máy hoạt động ổn định với hiệu suất trung bình 105% công suất thiết kế: Trong 6 tháng đầu năm 2021, nhờ thị trường tiêu thụ sản phẩm thuận lợi cùng với năng lực sản xuất nhà máy đạt 105% công suất, sản lượng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ lần lượt đạt 3.45 và 3.43 triệu tấn, hoàn thành 53% kế hoạch cả năm.

Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ, đạt mức cao nhất kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần: Doanh thu 6 tháng đầu năm đạt 48,908 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ và đạt 69% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,598 tỷ đồng và 3,527 tỷ đồng, so với mức lỗ 4,252 tỷ đồng cùng kỳ 2020. Kết quả kinh doanh tăng mạnh do giá dầu trong kỳ tăng 45% (dầu Brent) làm doanh thu tăng. Chênh lệch giá bán sản phẩm và giá dầu nguyên liệu (crack spread) trong kỳ tăng tốt (đặc biệt với sản phẩm xăng A92, A95, LPG, PolyPropylene, trong khi sản phẩm dầu DO, JetA1 vẫn ở mức thấp), đã mang đến mức lợi nhuận gộp hấp dẫn 3,914 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp đạt 8% so với mức -12.2% cùng kỳ 2020.

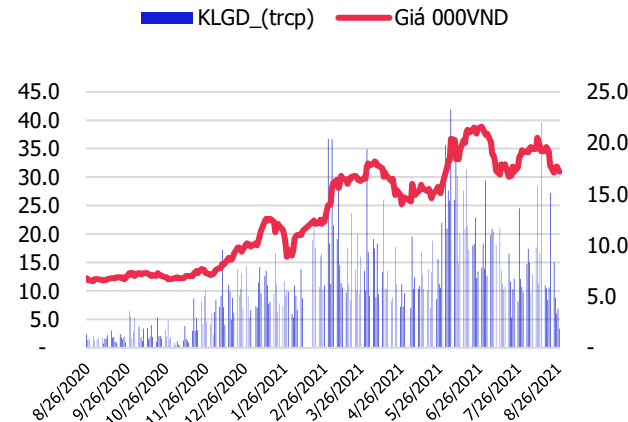
Chi phí tài chính, bán hàng và quản lý doanh nghiệp cơ bản được kiểm soát tốt: Doanh thu và Chi phí tài chính trong kỳ đều tăng, dẫn đến thu nhập ròng hoạt động tài chính đạt 197 tỷ đồng, tăng 3.8 lần. Trong kỳ, công ty tiếp tục trả bớt được 1,113 tỷ đồng nợ vay dài hạn, đồng thời tăng nợ vay ngắn hạn thêm 954 tỷ đồng. Chi phí bán hàng kiểm soát tốt khi tăng 11% và đạt 350 tỷ đồng, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 34% và đạt 167 tỷ đồng.

Ảnh hưởng của làn sóng Covid19 lần thứ 4 đang bùng phát: Hiện tại, nhu cầu thị trường tiêu thụ xăng dầu đang bị ảnh hưởng khi nhiều tỉnh thành tại Việt Nam bị giãn cách, phong tỏa do làn sóng Covid19 bùng phát trở lại. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, có những thời điểm trong tháng 8 nhà máy phải hoạt động với 90% công suất. Chúng tôi dự báo trong quý III, sản lượng đạt mức 84%-86% so với trung bình 6 tháng đầu năm và đạt khoảng 1.46 triệu tấn, sản lượng 6 tháng cuối năm là khoảng 3.11 triệu tấn. Doanh thu 6 tháng cuối năm dự báo đạt mức 47,710 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 1,810 tỷ đồng, đưa doanh thu và lợi nhuận trước thuế cả năm lần lượt đạt 96,620 tỷ đồng và 5,410 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 1,640 đồng.

Những vấn đề còn tồn tại, thách thức: Dự án nâng cấp mở rộng vẫn chưa đạt được những bước tiến khả quan trong vấn đề tìm kiếm nguồn vốn phù hợp cho đầu tư, cùng với với đó là gói thầu EPC đã không đạt được các điều kiện để có thể thực hiện. Vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty khi các quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm liên quan đến môi trường, khí thải ngày càng khắt khe.

Định giá cổ phiếu: Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền FCFF và so sánh hệ số PE, PB, giá trị cổ phiếu BSR được xác định ở mức 18,200 đồng/cổ phần.

Giao dịch của BSR trong 12 tháng



	1T	3T	6T	12T
BSR	-8.0%	13.9%	39.8%	152.9%
VNIndex	2.8%	0.7%	12.4%	50.1%

Ngày báo cáo	7/9/2021
Giá hiện tại	18,100 VND
Giá mục tiêu	18,200 VND
Tỷ lệ Tăng/giảm	0.0%
Mã Bloomberg	BSR VN Equity
Giá trị vốn hóa	48,058 tỷ VND
Biến động giá 52 tuần	6,500-21,600 VND
Khối lượng GDBQ 52 tuần	11,073 nghìn cp
Giá trị GDBQ 52 tuần	173 tỷ VND
Sở hữu nước ngoài	0.02%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	57,959	96,620	94,487	84,038	102,202
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	-2,215	6,694	5,434	4,931	6,020
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	%	-3.8%	6.9%	5.8%	5.9%	5.9%
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay_EBIT	Tỷ đồng	-2,344	5,977	4,692	4,188	5,083
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-2,843	5,409	4,184	3,684	4,579
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-2,849	5,138	3,975	3,499	4,350
Thu nhập mỗi cp-EPS	Đồng	-948	1,636	1,260	1,107	1,381
<i>Tăng trưởng EPS</i>	%	-200.9%	272.0%	-22.9%	-12.2%	24.8%
Cổ tức mỗi cổ phần	Đồng	-	-	-	-	800
<i>Lợi tức cổ phần</i>	%	na	0.0%	0.0%	0.0%	4.4%
P/E	Lần	na	11.1	14.4	16.4	13.2
P/B	Lần	1.5	1.6	1.4	1.3	1.2
EV/EBITDA	Lần	235.67	6.71	7.91	8.46	7.46
ROE	%	-9.2%	14.2%	9.9%	8.0%	9.6%
ROA	%	-5.1%	9.0%	6.5%	5.5%	6.5%

Nguồn: BSR, Trung tâm nghiên cứu MBS

Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ trong 6 tháng đầu năm 2021

Sau khi hồi phục mạnh mẽ trong nửa cuối năm 2020, trong 6 tháng đầu năm 2021 tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục bứt phá mạnh mẽ, điều này nhờ năng lực hoạt động của nhà máy và thuận lợi của thị trường khi giá dầu tăng liên tục 45% trong kỳ, tiêu thụ các sản phẩm thuận lợi, ổn định.

Kết quả là doanh thu 6 tháng đầu năm đạt 48,908 tỷ đồng, tăng 54% svck, lợi nhuận trước thuế đạt 3,598 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức lỗ 4,252 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Chênh lệch giữa giá bán sản phẩm và đầu nguyên liệu tăng cao trong kỳ, dẫn đến biên lợi nhuận gộp đạt 8% (quý I đạt 9.7%, quý II đạt 6.7%), mức cao nhất từ khi chuyển sang công ty cổ phần.

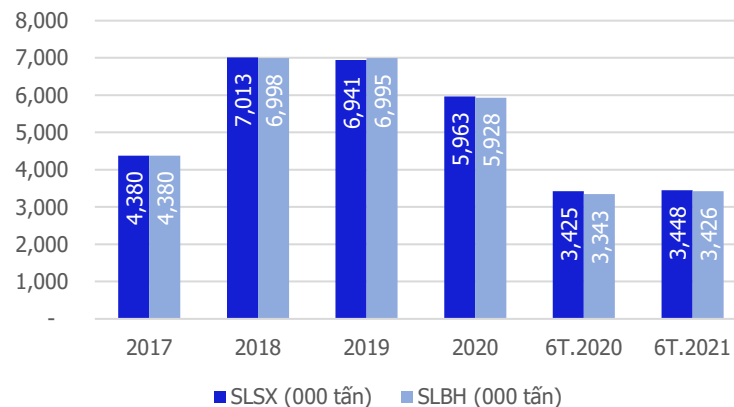
Biên lợi nhuận gộp các sản phẩm đã hồi phục trở lại trong 6 tháng đầu năm 2021, duy chỉ còn sản phẩm nhiên liệu máy bay JetA1 và dầu DO vẫn ở mức thấp (âm). Biên lợi nhuận gộp sản phẩm LPG có sự bứt phá trong 2020 và 6 tháng đầu năm, trong khi biên lợi nhuận gộp sản phẩm PolyPropylene vẫn vượt trội so với các sản phẩm khác.

Ảnh hưởng của dịch Covid19 lần thứ 4 đang bùng phát

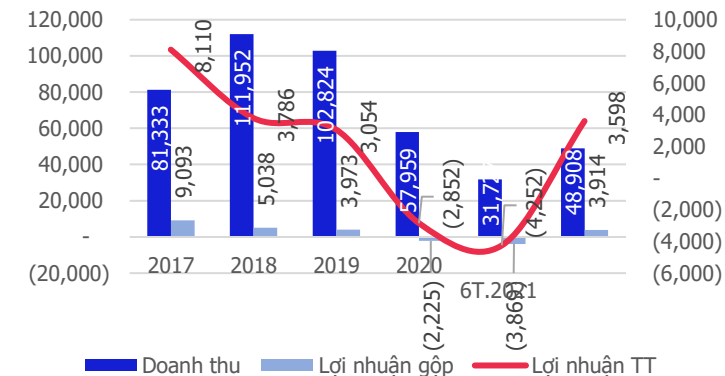
Hiện tại, nhu cầu thị trường tiêu thụ xăng dầu đang bị ảnh hưởng khi nhiều tỉnh thành tại Việt Nam phải phong tỏa do làn sóng Covid19 bùng phát trở lại. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ, có những thời điểm trong tháng 8 nhà máy phải hoạt động với 75% công suất.

Chúng tôi dự báo trong 6 tháng cuối năm, sản lượng sản xuất và kinh doanh có thể đạt 3.11 triệu tấn, đưa sản lượng cả năm đạt khoảng 6.56 triệu tấn, bằng 101% kế hoạch năm. Doanh thu 6 tháng cuối năm dự báo đạt 47,710 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 1,810 tỷ đồng. Lũy kế cả năm, doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 96,620 tỷ đồng và 5,410 tỷ đồng, thu nhập mỗi cổ phần đạt 1,640 đồng.

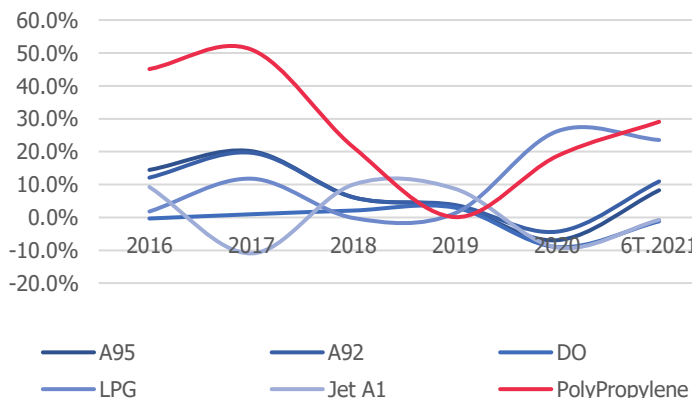
Sản lượng sản xuất và bán hàng



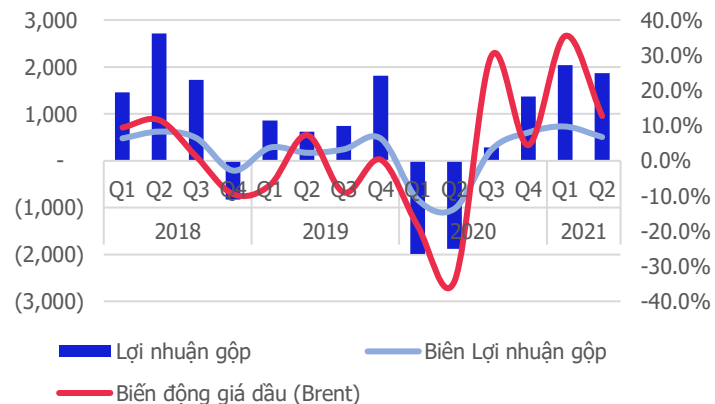
Doanh thu và lợi nhuận (tỷ đồng)



Biên lợi nhuận gộp những sản phẩm chính



Lợi nhuận gộp và biến động giá dầu



Nguồn: BSR, Trung tâm nghiên cứu MBS

Gia tăng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính cơ bản ổn định, Tổng tài sản cuối tháng 6.2021 đạt 63,860 tỷ đồng, tăng thêm 14% so với đầu năm. Tài sản dài hạn tiếp tục giảm dần và đạt 24,320 tỷ đồng (-6%), trong khi tài sản ngắn hạn tăng lên đạt 39,540 tỷ đồng (+32%) khi công ty mở rộng hoạt động kinh doanh, giá dầu tăng.

Khoản phải thu và hàng tồn kho đến cuối tháng 6.2021 đều tăng lên, lần lượt đạt 10,628 tỷ đồng (+36%) và 11,207 tỷ đồng (+34%). Mặc dù vậy có thể thấy nguyên nhân chính là do giá dầu tăng dẫn đến giá trị tăng trong khi sản lượng cơ bản ổn định. Công ty cũng duy trì khoản tiền tương tiền và đầu tư tài chính lên đến 17,654 tỷ đồng (+28%).

Bên nguồn vốn, Nợ phải trả tăng lên 29,274 tỷ đồng, chiếm 45.8% tổng nguồn, vốn chủ sở hữu đạt 34,586 tỷ đồng, chiếm 54.2% tổng nguồn. Công ty gia tăng nợ vay ngắn hạn trong năm 2020 và tiếp tục duy trì trong 6 tháng đầu năm 2021.

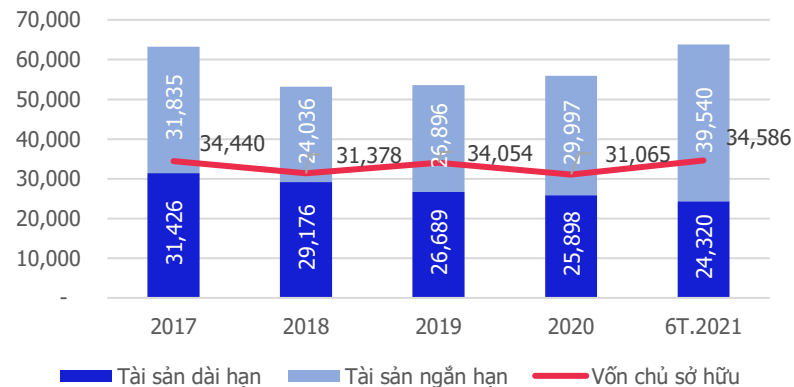
Dòng tiền thuần được kiểm soát tốt

Dòng tiền hoạt động kinh doanh tốt lên trong 6 tháng đầu năm so với cuối năm 2020 khi đạt 3,834 tỷ đồng mặc dù công ty mở rộng kinh doanh khi gia tăng khoản phải thu, hàng tồn kho nhưng đồng thời cũng gia tăng phải trả đầu vào.

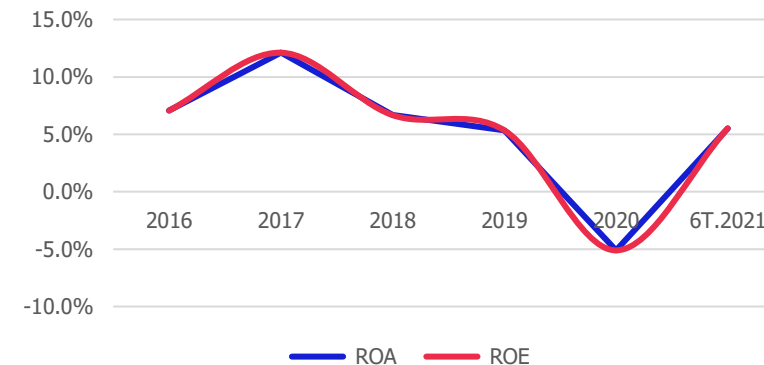
Dòng tiền hoạt động đầu tư -2,580 tỷ đồng khi công ty gia tăng tiền gửi tài chính có kỳ hạn để gia tăng lợi nhuận tài chính.

Trong kỳ công ty đã thực hiện trả nợ vay dài hạn 1,113 tỷ đồng, cùng với đó gia tăng nợ vay ngắn hạn để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh, kết quả là dòng tiền hoạt động tài chính đạt -135 tỷ đồng.

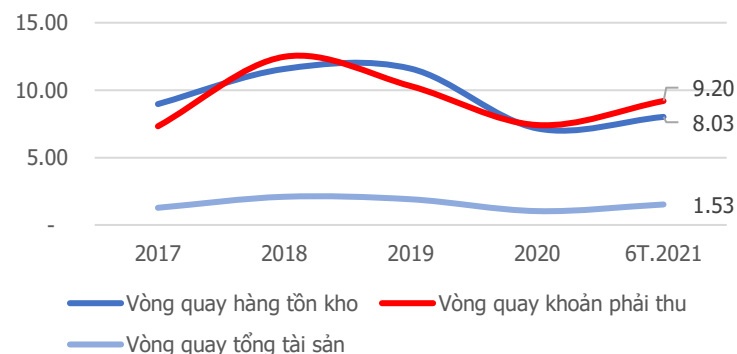
Cơ cấu Tài sản- Nguồn Vốn



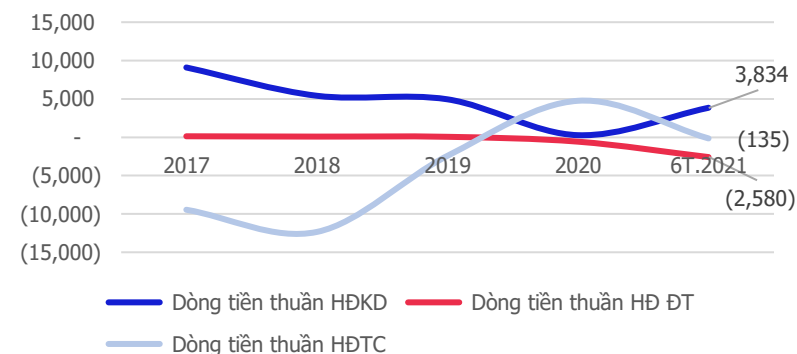
ROA-ROE



Hệ số hoạt động



Lưu chuyển dòng tiền



Nguồn: BSR, Trung tâm nghiên cứu MBS

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2021

Hiện tại, từ đầu quý III, thị trường tiêu thụ xăng dầu trong nước đang gặp những khó khăn do nhiều tình thành thực hiện giãn cách, phong tỏa do làn sóng Covid 19 lần thứ tư bùng phát. Hoạt động của nhà máy cũng bị ảnh hưởng, theo thông tin có những thời điểm nhà máy phải giảm công suất hoạt động xuống mức 75%, giãn nhập nguyên liệu, gửi kho sản phẩm do tiêu thụ chậm lại.

Chúng tôi dự báo trong quý III, sản lượng sản xuất và kinh doanh có thể giảm xuống mức 1.46 triệu tấn, bằng 85% trung bình 2 quý đầu năm. Sang quý IV, sản lượng dần quay lại mức trung bình và có thể đạt mức 1.65 triệu tấn đưa sản lượng 6 tháng cuối năm đạt 3.11 triệu tấn.

Dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế cả năm 2021 đạt mức 96,620 tỷ đồng và 5,410 tỷ đồng. Đây là kết quả kinh doanh cao nhất của công ty trong 4 năm qua kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần.

Cho năm 2022, dựa trên dự báo của các tổ chức quốc tế, giá dầu vẫn ở mức cao từ 65-70 usd/thùng (dầu Brent) và xu hướng giảm dần về cuối năm 2022. Chúng tôi dự báo sản lượng sản xuất và kinh doanh vẫn đạt mức từ 6.7-6.9 triệu tấn, doanh thu đạt 94,487 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 4,184 tỷ đồng, lần lượt bằng 92% và 78% so với 2021.

Định giá cổ phiếu

Chúng tôi thực hiện xác định giá trị cổ phiếu của công ty, dựa trên phương pháp chiết khấu dòng tiền công ty (FCFF) kết hợp PE, PB, giá trị cổ phiếu BSR đạt mức 18,200 đồng/cổ phần.

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- DCF_FCFF	25,386
- PB	15,466
- PE	13,731
Giá trị trung bình	18,200

Dự báo kết quả kinh doanh 2021F-2025F

Kết quả kinh doanh	Đơn vị	2020	2021F	2022F	2023F	2024F	2025F
Công suất nhà máy	Triệu tấn	6,500	6,500	6,500	6,500	6,500	6,500
Sản lượng sản xuất kinh doanh	Triệu tấn	5,963	6,560	6,880	5,800	6,880	6,880
Giá dầu trung bình dự kiến (Brent)	Usd/thùng	43	68	66	70	72	72
Doanh thu	Tỷ đồng	57,959	96,620	94,487	84,038	102,202	102,221
<i>Tăng trưởng doanh thu</i>	%	-44%	67%	-2%	-11%	22%	0%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	-60,184	-89,927	-89,053	-79,107	-96,182	-96,194
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	-2,225	6,694	5,434	4,931	6,020	6,027
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	666	533	480	432	432	432
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-497	-568	-508	-504	-504	-504
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	-552	-725	-709	-630	-767	-767
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	-269	-535	-524	-556	-614	-562
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	-2,877	5,399	4,173	3,672	4,567	4,625
EBIT	Tỷ đồng	-2,355	5,977	4,692	4,188	5,083	5,142
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-2,852	5,409	4,184	3,684	4,579	4,638
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-2,858	5,138	3,975	3,499	4,350	4,174
Lợi nhuận dành cho cổ công ty mẹ	Tỷ đồng	-2,819	5,171	4,008	3,532	4,383	4,170

Định giá theo DCF

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn bình quân-WACC	%	13.49%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	2%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2021-2026	Tỷ đồng	25,262
Hiện giá dòng tiền sau năm 2026	Tỷ đồng	39,127
Tiền và tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn hiện tại	Tỷ đồng	14,320
Giá trị Công ty	Tỷ đồng	78,708
Số lượng cổ phần	Triệu cp	3,101
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	25,386

Hệ số PE-PB-EV/EBITDA

Công ty	Quốc gia	Vốn hóa (tr usd)	P/B	P/E
COSMO ENERGY HOLDINGS CO LTD	Japan	1,679	0.51	
CHENNAI PETROLEUM CORP LTD	India	207	0.95	5.96
VIETNAM NATIONAL PETROLEUM	Vietnam	2,659	2.53	15.78
STAR PETROLEUM REFINING PCL	Thailand	1,099	1.16	9.19
MANGALORE REFINERY & PETRO	India	998	1.74	
PTG ENERGY PCL	Thailand	918	3.71	13.61
HENGYUAN REFINING CO BHD	Malaysia	308	0.61	
PETRON MALAYSIA REFINING & M	Malaysia	276	0.62	4.06
HINDUSTAN PETROLEUM CORP	India	4,889	0.97	3.62
IRPC PCL	Thailand	2,433	0.94	6.05
THAI OIL PCL	Thailand	2,928	0.83	6.93
Trung bình			1.32	8.45

Kết quả kinh doanh	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	57,959	96,620	94,487	84,038	102,202
Giá vốn hàng bán	-60,184	-89,927	-89,053	-79,107	-96,182
Lợi nhuận gộp	-2,225	6,694	5,434	4,931	6,020
Doanh thu tài chính	666	533	480	432	432
Chi phí tài chính	-497	-568	-508	-504	-504
Chi phí bán hàng	-552	-725	-709	-630	-767
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-269	-535	-524	-556	-614
Lợi nhuận thuần hđ kinh doanh	-2,877	5,399	4,173	3,672	4,567
Lợi nhuận trước thuế	-2,852	5,409	4,184	3,684	4,579
Lợi nhuận sau thuế	-2,858	5,138	3,975	3,499	4,350
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	-2,819	5,171	4,008	3,532	4,383
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	-39	-33	-33	-32	-32

Tài sản- Nguồn vốn	2020	2021F	2022F	2023F	2024F
Tài sản ngắn hạn	29,997	33,838	39,880	44,733	50,834
Tiền tương đương tiền	12,793	14,320	21,883	28,700	31,408
Đầu tư tài chính ngắn hạn	958	322	322	322	322
Khoản phải thu	7,813	9,265	9,060	8,058	9,800
Hàng tồn kho	8,387	9,855	8,539	7,586	9,223
Tài sản ngắn hạn khác	46	77	75	67	81
Tài sản dài hạn	25,898	23,526	21,154	18,742	16,330
Tài sản cố định	22,376	20,004	17,632	15,220	12,808
Tài sản dở dang dài hạn	1,101	1,101	1,101	1,101	1,101
Tài sản dài hạn khác	2,421	2,421	2,421	2,421	2,421
Tổng tài sản	55,895	57,364	61,034	63,475	67,164
Nợ phải trả	24,830	21,160	20,855	19,797	21,616
Nợ phải trả ngắn hạn	20,407	19,558	19,453	18,395	20,214
Phải trả người bán ngắn hạn	8,533	8,623	8,539	7,586	9,223
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9,969	9,969	9,969	9,969	9,969
Phải trả ngắn hạn khác	1,905	966	945	840	1,022
Nợ phải trả dài hạn	4,423	1,602	1,402	1,402	1,402
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3,022	201	81	0	0
Phải trả dài hạn khác	1,388	1,388	1,388	1,388	1,388
Vốn chủ sở hữu	31,065	36,203	40,178	43,677	45,547
Vốn góp của chủ sở hữu	31,005	31,005	31,005	31,005	31,005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28	5,199	9,207	12,738	14,640
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	29	-4	-37	-69	-101
Tổng nguồn vốn	55,895	57,363	61,033	63,474	67,163

Lưu chuyển dòng tiền	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	248	3,811	7,863	6,917	5,288
Dòng tiền thuần hđ đầu tư	-576	503	-133	-132	-132
Dòng tiền thuần hđ tài chính	4,770	-2,788	-167	32	-2,448

Hệ số tài chính	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Hệ số hiệu quả					
Biên lợi nhuận gộp	-3.8%	6.9%	5.8%	5.9%	5.9%
EBITDA Margin	0.3%	8.7%	7.6%	8.0%	7.4%
Biên lợi nhuận ròng	-4.9%	5.3%	4.2%	4.2%	4.3%
ROE	-9.2%	14.2%	9.9%	8.0%	9.6%
ROA	-5.1%	9.0%	6.5%	5.5%	6.5%

Hệ số tăng trưởng	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Tăng trưởng doanh thu	-43.6%	66.7%	-2.2%	-11.1%	21.6%
Tăng trưởng LNTT	-193.4%	289.6%	-22.6%	-12.0%	24.3%
Tăng trưởng LNST	-199.5%	279.8%	-22.6%	-12.0%	24.3%
Tăng trưởng EPS	-201.2%	272.0%	-22.9%	-12.2%	24.8%

Hệ số thanh khoản	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Hệ số thanh toán hiện hành	1.5	1.7	2.1	2.4	2.5
Hệ số thanh toán nhanh	1.1	1.2	1.6	2.0	2.1
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.4	0.4	0.3	0.3	0.3
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.8	0.6	0.5	0.5	0.5
Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	-7.2	12.8	11.6	10.4	12.7

Hệ số định giá	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Lợi suất cổ tức	0%	0%	0%	0%	4%
EPS (VND)	-951	1,636	1,260	1,107	1,381
BVPS (VND)	10,010	11,678	12,970	14,109	14,723

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Nguyễn Trọng Việt Hoàng Hoang.NguyenTrong@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huynh Huyinh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Trần Minh Phương Phuong.TranMinh@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Vật liệu xây dựng

Hoàng Ngân Giang Giang.HoangNgan@mbs.com.vn

Trái phiếu

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘ SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn